T□ LI□U

DÂN T□C H□C

LỄ CƯỚI CỦA NGƯỜI LÔ LÔ ĐEN Ở XÃ LŨNG CÚ, HUYỆN ĐỒNG VĂN, TỈNH HÀ GIANG

NGUYỄN VĂN THẮNG

1. Khái quát về ng□ời Lô Lô và địa bàn nghiên cứu

Xã Lũng Cú nằm ở độ cao trên 1.600m so với mặt n- ớc biển. Khí hậu chia thành hai mùa rõ rệt: mùa m- a và mùa khô. Mùa m- a từ tháng 10 tới tháng 3 năm sau. Mùa khô kéo dài từ tháng 4 đến tháng 9. Nhiệt độ cao nhất trong năm là 25^0C và thấp nhất là 0^0C. Nằm ở phía Bắc tỉnh Hà Giang, cách trung tâm tỉnh 154 km và cách trung tâm huyện Đồng Văn 25 km, phía Bắc giáp Trung Quốc, phía Tây và Nam giáp xã Ma Lé, xã Lũng Cú có 9 thôn bản, 516 hộ và 2.717 nhân khẩu, gồm 04 tộc ng- ời anh em chung sống: Lô Lô, Kinh, Hmông và Tày.

Ng- ời Lô Lô ở làng Lô Lô Chải xã Lũng Cú thuộc ngành Lô Lô Đen. Trong các th- tịch cổ của Việt Nam và Trung Quốc, ng- ời Lô Lô còn đ- ợc gọi bằng nhiều tên khác nhau nh- : *Ô Man*, *Lu Lọc Màn*, *La La*, *Qua La*, *Di Nhân*, *Di Gia*… Trung Quốc gọi tộc ng- ời này là *Di*. Ng- ời Lô Lô di c- tới Đồng Văn vào khoảng thế kỷ XV (đời nhà Minh) do không chịu nổi ách thống trị tàn nhẫn của triều đình phong kiến Trung Quốc. Ng- ời dẫn đầu là Lu Ngô Quân kéo hơn một vạn ng- ời chạy về phía Nam và đến vùng Lũng Cú thuộc huyện Đồng Văn ngày nay.

Ng- ời Lô Lô tại Việt Nam nói chung và nhánh Lô Lô Đen tại làng Lô Lô Chải nói riêng đã đ- ợc đề cập đến trong một số công trình nh- : *Dân tộc Lô Lô ở Việt Nam* do Khổng Diễn – Trần Bình chủ biên (2007), *Truyện cổ Lô Lô* của Lò Giàng Páo và Hoàng Nam (1983), *Nguồn gốc lịch sử tộc ng□ời vùng biên giới phía Bắc* của Nguyễn Chí Huyên và các tác giả (2000), *Trồng trọt ruộng màu và thổ canh hốc đá ở ng□ời Lô Lô Hà Giang* của Nguyễn Anh Ngọc… Bài viết này giới thiệu việc c- ới xin của ng- ời Lô Lô Đen tại Lũng Cú.

2. Nghi lễ c□ới xin của ng□ời Lô Lô

Trai gái Lô Lô đến tuổi tr- ởng thành đ- ợc tự do tìm bạn đời. Ban ngày đi n- ơng họ cùng nhau trao đổi tâm tình, đêm về họ hẹn hò nhau đi chơi, chia sẻ và tìm hiểu kỹ về nhau hơn. Họ còn tìm bạn tình bằng các câu hát giao duyên bên gốc cây, bìa rừng, ven suối...

Trong việc c- ới xin của ng- ời Lô Lô, vai trò của các ông/bà mối rất quan trọng. Ông/bà mối đ- ợc thay mặt bố mẹ, gia đình hai bên để trao đổi, th- ơng l- ợng, quyết định và thực thi những lễ tục trong đám c- ới. Nhà trai phải chọn cho mình hai ông mối và hai bà mối. Các ông/bà mối này không nhất thiết phải là ng- ời

có gia đình hay ch- a có gia đình, nh- ng phải là ng- ời khoẻ mạnh, không ốm đau, bệnh tật, dị hình, có uy tín trong bản, làm kinh tế giỏi, biết ăn nói, chín chắn, c- xử tốt với mọi ng- ời; nếu là ng- ời đã có gia đình thì phải là gia đình hạnh phúc và phải có con cái. Lễ c- ới của ng- ời Lô Lô Đen th- ờng trải qua những b- ớc cơ bản sau: *Dạm ngõ*, *Lễ hỏi* và *Lễ c□ới*.

2.1. Dạm ngõ

Khi đôi trai gái đã yêu th- ơng nhau và giới thiệu chàng trai, cô gái với gia đình, nhà trai mang một vuông vải sang nhà cô gái và mừng cho cô gái. Điều đó hàm nghĩa là "*Đặt trầu bỏ ngõ*", tức cô gái đã đ- ợc dạm hỏi.

2.2. Ăn hỏi

Nhà trai nhờ 4 ng- ời làm mối gồm 2 nam, 2 nữ (hai đôi vợ chồng song toàn càng tốt). Ng- ời Lô Lô quan niệm con ng- ời có tới bốn chi nên ngày đi hỏi phải là ngày chẵn, không đi ngày lẻ (với quan niệm vợ, chồng là cặp đôi). Khi chọn đ- ợc ngày tốt, nhà trai làm cơm và mời bốn ng- ời làm mối mang lễ vật sang nhà gái làm lễ hỏi. Lễ vật gồm 2 chai r- ợu, 1 đĩa xôi, 4 – 5 kg gạo nếp, một con gà trống.

Khi các ông mối, bà mối đ- a lễ vật đến nhà gái, bố cô gái lấy 2 chai r- ợu và xôi đặt lên bàn thờ tổ tiên. Nếu nhà gái đồng ý thì làm cơm mời nhà trai và đem hai chai r- ợu nhà trai mang đến để uống rồi cùng bàn bạc, chọn ngày tổ chức lễ c- ới và cả lễ vật thách c- ới.

2.3. Lễ c□ới

Lễ c- ới của ng- ời Lô Lô Đen ở đây th- ờng tiến hành trong vòng 3 ngày (không tính việc chuẩn bị từ tr- ớc). Ngày đầu là ngày chuẩn bị cho đám c- ới. Lúc này nhà trai và nhà gái dựng rạp, mổ lợn…Ngày thứ hai là ngày đón dâu và đoàn đón dâu của nhà trai nghỉ tại nhà gái. Ngày thứ ba là ngày đón dâu về nhà trai và tổ chức mừng vui cho đôi trẻ tại đây.

2.3.1. Chuẩn bị

Công việc chuẩn bị đã đ- ợc hai nhà làm ngay từ ngày hôm tr- ớc, mà đầu tiên là đi mời ông cậu (em trai mẹ cô dâu, tr- ờng hợp mẹ cô gái không có em trai thì mời ông chú – em trai bố cô dâu). Với ng- ời Lô Lô Đen, ông cậu có vai trò rất quan trọng; do đó, ông cậu nhất thiết phải có mặt trong các nghi lễ: từ tôn tr- ởng họ, tang ma, sinh nở… kể cả trong tr- ờng hợp ông cậu còn rất nhỏ tuổi.

Tiếp đó là gia chủ đi mời thầy kèn. Thầy kèn đóng vai trò khá quan trọng trong lễ c- ới. Thầy kèn có mâm ngồi riêng với vị trí "thiêng" trong nhà của cô dâu và chú rể, th- ờng ở ngay bên phải cửa chính (tính từ bên ngoài đi vào). Đội kèn trong lễ c- ới gồm có 3 ng- ời/nhà. Kèn ở nhà trai và nhà gái có điểm khác: nhà trai có 2 kèn nhỏ và 1 kèn to, nhà gái có 2 kèn nhỏ và một thanh la. Theo quan niệm của họ, kèn to khi thổi có vai trò hiệu triệu, còn thanh la là tín hiệu đ- a tiễn. Khi thầy kèn và ông cậu đã tới nhà gái, ng- ời trong gia đình nhà gái tiếp tục đi mời bà con, hàng xóm tới để chuẩn bị bàn ghế và hậu cần để tiếp khách.

2.3.2. Đón dâu

Vào ngày c- ới chính thức, sau khi ăn cỗ sáng, một vị cao niên nhất và có uy tín nhất trong làng đ- ợc mời đến để thắp h- ơng xin phép tổ tiên cho đoàn ng- ời đ- ợc đi đón dâu. Sau đó, ông quay xuống với mọi ng- ời và bắt đầu hát các bài hát tr- ớc khi đón dâu. Nội dung các câu hát mang ý nghĩa là nhờ ông mối, bà mối, mọi ng- ời đi đón cô dâu cùng chú rể. Sau đó, ng- ời nhà gia chủ hát tiếp những bài có nội dung cảm ơn hai ông

mối, hai bà mối và nhờ ông, bà mối đi đón dâu. Hát xong, chủ nhà mang r-ợu ra mời mỗi ông mối, bà mối 2 chén để tỏ lòng cảm ơn. 10h sáng lễ đón dâu bắt đầu. Lúc này nhà trai đã chuẩn bị các đồ lễ mang theo gồm: 1 con lợn (khoảng 5-10kg), 4 chai r-ợu (mỗi ông, bà mối cầm 1 chai), 2 bó thuốc lào nhỏ (để cả cây), 1 con dao, 1 chai r-ợu. Lễ vật này đ-ợc buộc vào gánh và để những đứa trẻ gánh đi.

Trình tự của đoàn đi đón dâu nh- sau:

- Dẫn đầu là hai ông mối, mỗi ông mối cầm 1 chai r-ợu (chai r-ợu này sẽ đ-ợc lấy để uống khi thi hát đối đáp với nhà gái).

- Tiếp đến là ông thầy cúng (chịu trách nhiệm thi hát với nhà gái).

- Chú rể.

- Phù rể.

- Ba ông thầy kèn.

- Nhóm nam thanh niên.

- Đám trẻ con gánh đồ lễ của nhà trai.

- Hai bà mối, mỗi ng-ời cầm một chai r-ợu (chai r-ợu này sẽ đ-ợc lấy để uống khi thi hát đối đáp với nhà gái).

- Cuối cùng là đám nữ thanh niên trong làng.

Tới nhà gái, đoàn đón dâu không đ-ợc vào nhà ngay mà phải đứng ở ngoài cổng chờ và thổi kèn đến khi nhà gái cho vào. Sau đó, đoàn nhà trai vẫn phải trải qua một cuộc thi hát đối với nhà gái.

Nhà gái bày sẵn ngang cửa ra vào một cái bàn lớn để không cho ai đi qua, trên đó đã bày r-ợu để "phạt" nếu đoàn nhà trai hát thua. Nhà gái có quyền thách nhà trai và kiểm chứng tài năng của chú rể và những vị mối của nhà trai, hát thắng mới đ-ợc nhà gái dọn bàn mời vào nhà, còn nếu thua thì mỗi lần phải uống một bát r-ợu. Khi đoàn nhà trai tiến tới cửa thì đoàn nhà gái cũng có hai đại diện ra "tiếp". Lúc này "cuộc thi" bắt đầu, nhà trai phải hát tr-ớc rồi tới nhà gái. Nội dung các bài hát th-ờng về tình cảm trai gái, những câu đố vui, những câu hỏi về tổ tiên, về hai gia đình hay về cô dâu chú rể... Tuy nhiên, cuộc thi đó đã có quy định ngầm với nhau, bài một nhà trai phải thua và chịu phạt, bài hai nhà gái thua và chịu phạt, rồi tiếp đến nhà trai và nhà gái thi với nhau thực sự. Cuộc thi hát đối giữa hai nhà cứ thế kéo dài, có khi tới vài tiếng đồng hồ, nhanh nhất cũng phải là 40 phút. Nhà gái sẽ giả thua để nhà trai chính thức đ-ợc vào nhà để tiến hành các nghi lễ tiếp theo.

Hai ông mối vào tr-ớc, chú rể và phù rể vào sau. Chú rể cùng phù rể vào vái lạy tổ tiên, lễ sống bố mẹ và ông cậu của cô dâu, để bày tỏ và cảm ơn những ng-ời đã có công nuôi dạy vợ mình. Sau đó, nhà gái dọn cơm mời đoàn nhà trai. Trong khi dùng cơm, cuộc hát đối đáp giữa hai nhà vẫn đ-ợc tiến hành. Khoảng 3h chiều, đoàn ng-ời bên nhà ông cậu của nhà gái sang, mang theo những gùi cơm nhỏ và r-ợu. Đoàn các ông cậu của nhà gái đ-ợc đón tiếp bằng cỗ bàn rất chu đáo. Sau khi đoàn các ông cậu dùng cơm xong, mẹ cô dâu mang tiền ra chia cho mọi ng-ời tới tham dự (tiền xu loại 1.000 đồng và 500 đồng) để cảm ơn mọi ng-ời đã tới. Họ tới chia vui với gia chủ, ăn cơm, uống r-ợu cả ngày, đêm và hát đối đáp với nhau.

Khoảng 4h sáng hôm sau chú rể dậy và thịt con lợn đã mang sang hôm tr-ớc để làm lễ cúng tổ tiên nhà cô dâu, lấy bát tiết sống đặt lên tr-ớc mặt thầy cúng để chuẩn bị làm lễ với những đồ cúng sau: Hai chai r-ợu, hai cái chén, 1 cái áo cũ của cô dâu, 1 cái mũ cũ của chú rể, 1 con lợn và 1 bát tiết t-ơi.

Khi đã chuẩn bị xong, thầy cúng ngồi vào vị trí, tay cầm cái muôi khua đi khua lại, miệng bắt đầu đọc bài cúng thông báo với tổ tiên nhà gái và cúng ma cho chú rể. Việc để áo mũ của cô dâu và chú rể trên bàn cúng có ý nghĩa rằng mùi của cô dâu và chú rể sẽ hoà quyện vào nhau để cho ma nhà cô dâu nhận ra thành viên mới của dòng họ. Bát tiết t- ơi và con lợn là một hình thức hiến tế. Sau khi hết một bài cúng, chú rể mang con lợn đi làm lông, cắt đôi con lợn ra, phần đầu cô dâu sẽ mang theo trong khi về nhà chồng, phần còn lại thì nhà gái dùng.

Trong khi đó, ng- ời nhà cô dâu phải đồ những nồi xôi to và đơm đầy xôi vào 4 cây cơm cho cô dâu mang theo. Mỗi cây cơm to bằng cái thùng gánh n- ớc và cao từ 80cm đến 1m. Mẹ cô dâu phải mặc "áo" cho cây cơm đó. Trên cây cơm ng- ời ta cắm những lá cờ nhỏ. 4 cây cơm và thủ lợn hợp thành của hồi môn cho cô dâu gồm:

2 cái hòm	1 cái chiếu	1 cái chậu
1 cái tủ nhỏ	1 cái ghi đô	1 cái phích
1 cái túi nhỏ	1 cái mâm	Khăn mặt
2 cái gối	2 cái chăn	Tiền mặt
2 chai r- ợu	2 cái ô	2 giỏ cơm nhỏ

Một số vật dụng khác

Đến sáng, mọi công việc đã đ- ợc chuẩn bị xong và lễ đón cô dâu đ- ợc bắt đầu. Cô dâu và chú rể đi mời r- ợu mọi ng- ời tới dự nh- là lời cảm ơn. Kèn nhà gái thổi vang nghe nh- thúc giục. Tr- ớc khi tiễn dâu khoảng 40 phút, nhà gái lại lấy 1 cái bàn kê ngang cửa nh- tr- ớc khi hát đối đáp để cho nhà trai vào nhà. R- ợu đ- ợc bày ra. Mỗi ng- ời thuộc họ nhà trai đi qua cửa ra ngoài phải uống 1 bát r- ợu đầy. Khung cảnh khá náo nhiệt; ng- ời uống, kẻ bỏ chạy nh- ng nhà trai khó lòng không uống r- ợu vì thời gian càng lâu thì cô dâu càng có thời gian tạm biệt mọi ng- ời trong gia đình. Thời khắc đó với cô dâu thật quý và l- u luyến. Vậy nên các chàng trai của nhà gái bằng mọi cách giữ chân ng- ời nhà trai càng lâu càng tốt.

Trình tự đi của đoàn đón dâu về nh- sau:

- Đi đầu đoàn đón dâu trở về là hai ông mối của nhà trai.

- Tiếp theo là hai ông mối của nhà gái.

- Đội kèn nhà trai.

- Chú rể.

- Phù rể.

- Đoàn gánh của hồi môn của nhà gái.

- Đám trẻ con gánh nửa con lợn và cây thuốc lào, r- ợu.

- Đoàn thanh niên nam.

- Đoàn các vị cao niên nữ.

- Đoàn thanh niên nữ.

Một điều đặc biệt ở đây là cô dâu, chú rể không đi cùng nhau. Chú rể đi tr- ớc, ngay sau đội kèn của nhà trai; còn cô dâu đi cùng đoàn thành niên của nhà gái. Đoàn ng- ời đón dâu đi trong tiếng kèn vui nhộn. Thêm nữa, cô dâu không mặc lộng lẫy, mà mặc trang phục truyền thống nên khách khó nhận ra ai là cô dâu trong đoàn ng- ời.

2.3.3. Tổ chức lễ c□ới tại nhà trai

Khi đón dâu về tới nhà trai, ng- ời nhà chú rể lấy một miếng vải đỏ xé nhỏ đ- a cho mỗi ng- ời bên nhà gái một miếng nhỏ. Kể từ lúc này, bên nhà gái đ- ợc gọi là bên cậu. Sau đó, nhà trai bắt đầu tổ chức lễ cúng "đăng ký" ma cho cô dâu. Lễ vật cúng gồm: 1 con gà trống, áo cũ của cô dâu, mũ của chú rể, 1

đĩa xôi, 1 chai r- ợu. Gà đ- ợc cắt tiết tại bàn và đặt trên bàn bày mâm những vị cao niên trong làng d- ới bàn thờ chính của gia chủ. Thầy cúng ngồi cùng các vị cao niên ấy. Tay thày cúng cầm một cái muôi khua đi khua lại miệng lẩm nhẩm đọc bài cúng. Đại ý bài cúng là: *..hôm nay là ngày…tháng…năm… gia đình có tổ chức lễ c□ới cho anh… và chị…Từ nay, chị… là con dâu trong nhà; mong ma nhà nhận làm con cháu.*

Sau đó, nhà trai dọn cỗ mời mọi ng- ời để cùng chúc phúc cho đôi trai gái. Cô dâu khi về tới nhà trai thì đi thẳng vào trong buồng dành cho mình và không ra ngoài cho tới khi lễ cúng nhập ma kết thúc. Buổi chiều diễn ra lễ thức "*tiễn nhà gái*". Nhà trai lấy 2 cái bàn ra để d- ới bàn thờ, rồi mang r- ợu ra rót mời từng ng- ời của nhà gái. Mọi ng- ời trong đoàn nhà gái đều phải uống r- ợu này, dù ít hay nhiều. Nhà trai mời đoàn nhà gái ở lại ăn cơm. Đêm đó nhà trai tổ chức ăn uống hát mừng dâu mới suốt đêm, chúc cho đôi vợ chồng trẻ sống hạnh phúc đến đầu bạc răng long. Khi tiễn ông cậu về, tuỳ vào số hồi môn của nhà gái mà nhà trai đ- a cho ông cậu ít tiền, gọi là tiền cho ông cậu đi đ- ờng. Sau ngày c- ới ba ngày, cô dâu, chú rể trở lại thăm bố mẹ cô dâu. Họ có thể ở lại nhà cô dâu từ 1 đến 3 ngày. Sau đó, chú rể đ- a cô dâu quay về. Lúc này cô dâu và chú rể mới đ- ợc động phòng.

3. Kết luận

Lễ c- ới của ng- ời Lô Lô Đen tại làng Lô Lô Chải, xã Lũng Cú, huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang tới nay vẫn còn l- u giữ đ- ợc nhiều nét văn hoá đặc sắc và riêng biệt của tộc ng- ời này. Trai gái tới tuổi kết hôn đ- ợc tự do tìm hiểu nhau, thông qua các buổi đi làm n- ơng, đêm trăng sáng với các câu hát giao duyên. Sau khi tìm hiểu kỹ, đôi trai gái đ- a nhau về giới thiệu với cha, mẹ hai bên để chọn ngày làm lễ dạm ngõ, ăn hỏi và c- ới cho đôi trẻ.

Hôn nhân của ng- ời Lô Lô Đen tại đây là hệ thống các lễ thức tiêu biểu cho những giá trị văn hoá của họ. Mỗi nhà phải chọn đ- ợc hai ông mối và hai bà mối. Họ là những đại diện cho hai nhà để bàn bạc và thống nhất cách thức tổ chức lễ c- ới. Đồng thời, họ cũng chịu trách nhiệm chính trong việc đi đón và đ- a dâu. Khi đoàn đón dâu tới nhà gái, họ không đ- ợc vào nhà ngay mà phải hát thi với nhà gái, hát thắng mới đ- ợc vào nhà, thua phải uống r- ợu. Nhà trai đi đón dâu phải nghỉ qua đêm ở nhà gái. Trong đêm hôm đó, chú rể phải mổ một con lợn (đã mang đi làm sính lễ) để cúng tổ tiên nhà cô gái. Của hồi môn đ- ợc nhà gái chuẩn bị rất chu đáo và mang theo khi đ- a dâu. Khi đi đón dâu và khi trở về, đoàn ng- ời luôn giữ vị trí đã đ- ợc sắp xếp, không khí vui nhộn trong tiếng kèn đồng thổi vang. Về tới nhà trai, là lúc tổ chức lễ cúng ma cho cô dâu. Ba ngày sau, cô dâu và chú rể trở về thăm bố mẹ đẻ của cô dâu nh- lễ lại mặt của ng- ời Kinh. Chỉ sau nghi thức này, họ mới chính thức trở thành vợ chồng.

Tài liệu tham khảo

1. Khổng Diễn, Trần Bình (2007), *Dân tộc Lô Lô ở Việt Nam*, Nxb Thông tấn, Hà Nội.

2. Nguyễn Chí Huyên (và các tác giả) (2000), *Nguồn gốc lịch sử tộc ng□ời vùng biên giới phía Bắc*, Nxb Văn hoá dân tộc, Hà Nội.

3. Nguyễn Anh Ngọc (1975), "Trồng trọt ruộng màu và thổ canh hốc đá ở ng- ời Lô Lô Hà Giang", *Tạp chí Dân tộc học*, Số 3, tr. 74-80.

4. Lò Giàng Páo, Hoàng Nam (1983), *Truyện cổ Lô Lô*, Nxb Văn học, Hà Nội.